

Bài 25

PHẢN ỨNG OXI HOÁ – KHỬ

4.1. B.

4.2. A.

4.3. C.

4.4. B.

4.5. D.

4.6. A.

4.7. D.

4.8. D.

4.9. a) $2\text{H}_2\text{S} + 3\text{O}_2 \rightarrow 2\text{H}_2\text{O} + 2\text{SO}_2\uparrow$

b) Lưu huỳnh bị oxi hoá, oxi bị khử.

4.10. a)

4.11. 1. a) +4 ; b) +3 ; c) +4 ; d) -3 ;

2. a) -1 ; b) +3 ; c) +5 ; d) -1 ;

3. a) -1 ; b) -2 ; c) -3 ; d) +3 ;

4. a) +4 ; b) -1 ; c) +4 ; d) -2 ;

5. a) +5 ; b) -3 ; c) +5.

4.12. Chất oxi hoá Chất khử

1. KMnO_4 $\text{H}_2\text{C}_2\text{O}_4$

2. HNO_3 Cu

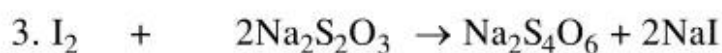
3. $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ Na_2SO_3

4.13. 1. $\text{KClO}_3 + 6\text{HBr} \rightarrow 3\text{Br}_2 + \text{KCl} + 3\text{H}_2\text{O}$

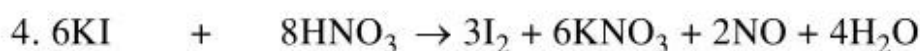
chất oxi hoá chất khử

2. $2\text{FeCl}_2 + \text{H}_2\text{O}_2 + 2\text{HCl} \rightarrow 2\text{FeCl}_3 + 2\text{H}_2\text{O}$

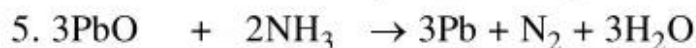
chất khử chất oxi hoá chất tạo môi trường



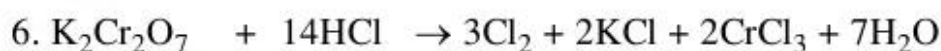
chất oxi hoá chất khử



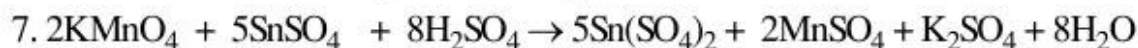
chất khử chất oxi hoá,
chất tạo môi trường



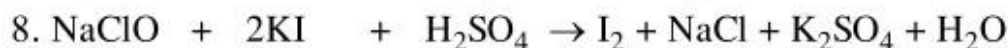
chất oxi hoá chất khử



chất oxi hoá chất khử,
chất tạo môi trường



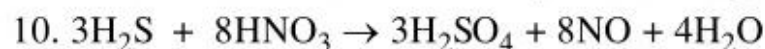
chất oxi hoá chất khử chất tạo môi trường



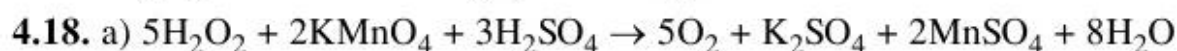
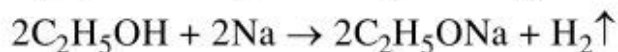
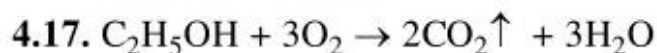
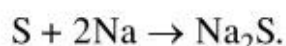
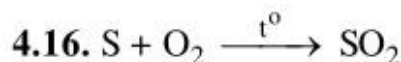
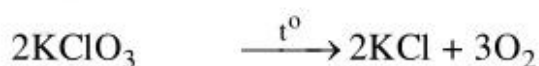
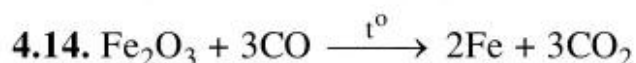
chất oxi hoá chất khử chất tạo môi trường



chất khử chất oxi hoá chất tạo môi trường

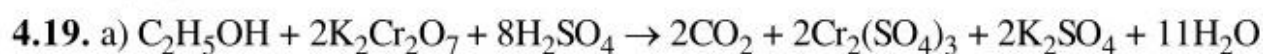


chất khử chất oxi hoá



H_2O_2 là chất khử, $KMnO_4$ là chất oxi hoá.

b) 2,72%.



Crom bị khử và cacbon bị oxi hoá.

b) Hàm lượng cồn 0,17% > 0,02%. Người lái xe đã phạm luật.

